

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: **18/2019/DS - ST**

Ngày: 16/10/2019

*“Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Việt Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Ngọc Côn.

2. Ông Giáp Văn Phẩm.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ca - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25/9/2019 và 16 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2019/TLST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần J Việt Nam do anh Nguyễn Văn K - Sinh năm 1984 đại diện theo ủy quyền.

Địa chỉ: Lô số A - Khu Công nghiệp N - Y - Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Hà Văn T - Sinh năm 1974 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn P - Xã P - L - Bắc Giang.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chị Đỗ Thị H - Sinh năm 1974 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn P - Xã P - L - Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/4/2019 và các lời khai tiếp theo của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thì nội dung vụ án như sau:

Công ty cổ phần J Việt Nam được thành lập có đăng ký kinh doanh. Kinh doanh bán thức ăn chăn nuôi cho các đại lý và các trang trại chăn nuôi theo hình thức thỏa thuận giữa hai bên. Khách hàng sẽ lấy hàng theo nhiều đơn hàng ở các thời điểm khác nhau. Anh Hà Văn T là người chăn nuôi lợn có trang trại chăn nuôi ở thôn A, Xã P, Huyện L, Bắc Giang. Qua tìm hiểu anh T có biết Công ty cổ phần J Việt Nam là công ty chuyên cung cấp mặt hàng về thức ăn chăn nuôi cụ thể là mặt hàng cám thức ăn cho Lợn. Sau khi gặp gỡ đại diện của Công ty cổ phần J Việt Nam thì giữa anh T và phía công ty có thống nhất thỏa thuận về phương thức giao hàng và thanh toán. Anh T bắt đầu lấy lấy hàng cám thức ăn chăn nuôi của công ty J từ ngày 14/8/2018 với số tiền là 86.700.000 đồng. Từ 14/8/2018 đến 26/11/2018 anh T lấy 10 đơn hàng với tổng số tiền phải thanh toán là: 228.283.000 đồng. Anh T đã thanh toán cho công ty được 147.526.000 đồng. Sau đó hai bên đối chiếu công nợ chốt đến ngày 29/11/2018 anh T còn nợ lại là 100.757.000 đồng và anh T đã ký xác nhận công nợ với công ty J. Sau đó đến ngày 06/12/2018 anh T thanh toán được cho công ty 8.178.000 đồng số tiền anh Thức còn nợ lại từ đó đến nay là 92.579.000 đồng. Nay công ty Judo yêu cầu anh T phải thanh toán cho công ty số tiền còn nợ lại là 92.579.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Anh T thừa nhận có nhiều lần lấy hàng lấy hàng và đã thanh toán được một phần cho công ty J. Sau đó hai bên có xác nhận và chốt lại công nợ như công ty J trình bày nhưng anh T cho rằng số tiền còn nợ lại mà hai bên đã chốt lại với nhau là chưa chính xác, anh xác định hiện anh chỉ còn nợ lại công ty J số tiền khoảng hơn 80.000.000 đồng nên anh chỉ đồng ý trả cho công ty số tiền còn nợ là 80.000.000 đồng. Việc anh lập trang trại chăn nuôi là do tự anh làm ăn riêng không liên quan gì đến vợ anh, việc mua bán cám và nợ tiền của công ty judo cũng do cá nhân anh làm, vợ anh không biết và cũng không liên quan. Anh nhận trách nhiệm trả nợ số tiền còn nợ lại cho công ty. Quá trình làm việc và hòa giải giữa đại diện công ty Judo và anh Hà Văn T tại Tòa án. Công ty J cũng xác định đến nay chỉ yêu cầu anh T thanh toán cho công ty số

tiền còn nợ lại là 80.000.000 đồng nhưng yêu cầu anh T phải thanh toán làm hai lần vào ngày 30/9/2019 thanh toán 40.000.000 đồng và đến ngày 30/12/2019 thanh toán nốt số tiền còn lại. Anh T đồng ý thanh toán cho công ty công Judo 80.000.000 đồng còn nợ lại nhưng anh chưa thanh toán cho công ty được ngay như thời hạn phía công ty đưa ra mà anh sẽ trả làm nhiều lần cụ thể vào ngày 30/4/2020 anh trả 40.000.000 đồng đến ngày 30/8/2020 anh trả nốt số tiền còn lại. Hai bên thống nhất được số tiền còn nợ lại nhưng không thống nhất được thời gian thanh toán.

Chị Đỗ Thị H là vợ của anh T cho rằng việc anh T có mua cám của Công ty cổ phần J Việt Nam về chăn nuôi lợn là việc riêng của anh T. Anh T tự đứng ra thành lập trang trại chăn nuôi không liên quan đến chị. Việc anh T chăn nuôi lợn thua lỗ và có nợ tiền cám của công ty J chị không hề biết, chị chỉ biết khi Công ty cổ phần J Việt Nam có đơn khởi kiện anh T thì chị mới biết. Do vậy chị xác định đây là việc làm ăn riêng của anh T và việc nợ cũng là nợ riêng của anh T chị không liên quan nên chị không đồng ý trả nợ cùng anh T. Anh T còn nợ lại công ty tiền cám thì anh T phải có trách nhiệm trả nợ cho công ty.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là Công ty cổ phần J Việt Nam đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Hà Văn T phải thanh toán công ty số tiền còn nợ là 80.000.000 đồng. Anh Hà Văn T đồng ý trả số tiền 80.000.000 đồng còn nợ lại cho Công ty cổ phần J Việt Nam nhưng anh xin được trả dần làm nhiều lần. Chị Đỗ Thị H vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và của các đương sự. Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần J Việt Nam.

Áp dụng Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271; 273; Điều 280 Bộ luật tố

tụng dân sự. Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử : Buộc anh Hà Văn T phải trả cho Công ty cổ phần J Việt Nam số tiền 80.000.000 đồng.

Về án phí cho anh Hà Văn T phải chịu số tiền 4.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Công ty cổ phần J Việt Nam số tiền 2.314.475 là tiền tạm ứng án Công ty cổ phần J Việt Nam nộp tại biên lai thu số AA/2018/0005439 ngày 23/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Các đương sự tranh chấp với nhau về việc mua bán thức ăn chăn nuôi. Xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa anh Hà Văn T và chị Đỗ Thị H Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Công ty cổ phần J Việt Nam yêu cầu anh Hà Văn T phải thanh toán số tiền còn nợ là 92.579.000 đồng. Trong quá trình hòa giải tại tòa án hai bên đã thống nhất được số nợ do đó công ty J chỉ yêu anh T phải thanh toán số tiền là 80.000.000 đồng. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án có cơ sở xác định. Từ 14/8/2018 đến 26/11/2018 anh Hà Văn T có mua cám về để làm thức ăn chăn nuôi của Công ty cổ phần J Việt Nam với tổng số tiền là 228.283.000 đồng. Anh T đã trả được cho công ty J một phần và còn nợ lại số tiền 92.579.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T thừa

nhận có mua cám và nợ lại tiền nhưng không phải số tiền như công ty J khởi kiện mà chỉ là khoảng hơn 80.000.000 đồng. Sau khi thống nhất công ty Judo và anh T thống nhất số tiền còn nợ lại là 80.000.000 đồng. Xét thấy việc mua bán hàng hóa giữa công ty Judo và anh T là có thật, anh T thừa nhận có nợ lại tiền của công ty J. Do vậy yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần J Việt Nam là có căn cứ cần được chấp nhận.

[3] Theo quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự 2015 thì “ Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán”. Quá trình thực hiện hợp đồng thì Công ty cổ phần J Việt Nam đã chuyển giao tài sản cho anh T nhưng anh T chưa thanh toán đủ số tiền so với giá trị tài sản do Công ty cổ phần J Việt Nam đã giao cho. Anh T xác nhận có việc mua bán cám của công ty J anh đã trả được một phần tiền và hiện còn nợ lại 80.000.000 đồng. Quá trình giải quyết anh T cũng xác định việc mua bán và nợ tiền của Công ty cổ phần J Việt Nam là do cá nhân anh chứ không liên quan gì đến vợ anh. Do vậy anh sẽ có trách nhiệm thanh toán nợ cho Công ty cổ phần J Việt Nam. Chị Đỗ Thị H cũng cho rằng việc anh thức mua cám về chăn nuôi là tự anh T làm chị không hề biết và không liên quan đến khoản nợ với Công ty cổ phần J Việt Nam. Do vậy anh T phải có trách nhiệm thanh toán cho công ty J chị không chịu trách nhiệm trả cùng anh T.

Hội đồng xét xử xét thấy việc mua bán thức ăn chăn nuôi và còn nợ tiền của anh T với Công ty cổ phần J Việt Nam chị H không hề biết, vì hiện nay bản thân chị H là giáo viên không cùng công việc với anh T. Mặt khác trong đơn khởi kiện cũng như trong quá trình làm việc tại Tòa án, đại diện của công ty Judo cũng chỉ yêu cầu anh Hà Văn T phải thanh toán nợ cho công ty. Do vậy cần xác định đây là khoản nợ riêng của anh T. Đến nay việc anh T chưa trả nợ cho Công ty cổ phần J Việt Nam làm ảnh hưởng đến quyền lợi của công ty. Vì vậy Công ty cổ phần J Việt Nam yêu cầu anh T phải thanh toán số tiền nợ là 80.000.000 là có căn cứ chấp nhận. Do vậy cần buộc anh Hà Văn T phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho Công ty cổ phần J Việt Nam số tiền còn nợ là 80.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại các điều 430; điều 440 Bộ luật dân sự.

[4] Về án phí: Đơn khởi kiện của Công ty cổ phần J Việt Nam được chấp nhận, nên cần hoàn trả cho Công ty cổ phần J Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn.

Anh Hà Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

** Vì các lẽ trên:*

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ các Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271; 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần J Việt Nam. Buộc anh Hà Văn T phải trả cho Công ty cổ phần J Việt Nam số tiền 80.000.000 đồng.

2. Về án phí cho anh Hà Văn T phải chịu số tiền 4.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Công ty cổ phần J Việt Nam số tiền 2.314.475 là tiền tạm ứng án phí Công ty cổ phần J Việt Nam đã nộp tại biên lai thu số AA/2018/0005439 ngày 23/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đến thời hạn thanh toán, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành án hoặc thi hành án không đầy đủ thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tiền trên số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

- Nơi nhận:

- Toà án ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm sát tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Lục Ngạn;
- các đương sự;
- Chi cục THA huyện Lục Ngạn;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Việt Hùng